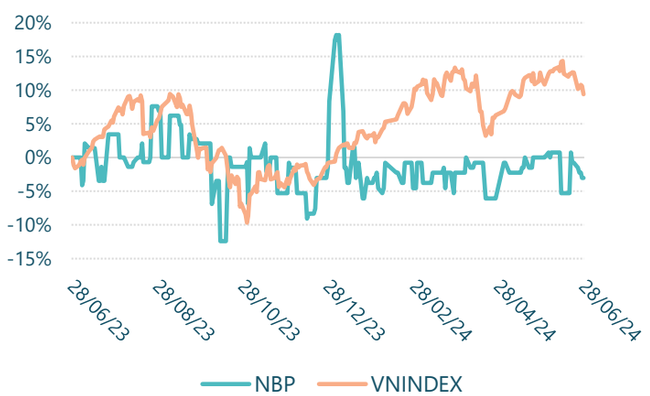
CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (HNX: NBP)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**-0.8%**	**0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,561 - 15,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
Số lượng CPLH (CP)	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,270
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	(0.12)
EPS	-531
P/E	-24.1

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

415

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0 | 13.3%

YoY: ▲ 55.0 | 15.1%

Nợ/VCSH

Q2/24

190%

YoY: +/-▲ 43.4%

LN gộp

Q2/24

8.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.47 | -22.9%

YoY: ▼27.3 | -76.6%

ROE (TTM)

Q2/24

-2.6%

YoY: +/-▼ 8.4%

LN trước thuế

Q2/24

-0.66

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.22 | -126%

YoY: ▼26.2 | -103%

ROA (TTM)

Q2/24

-1.1%

YoY: +/-▼ 4.2%

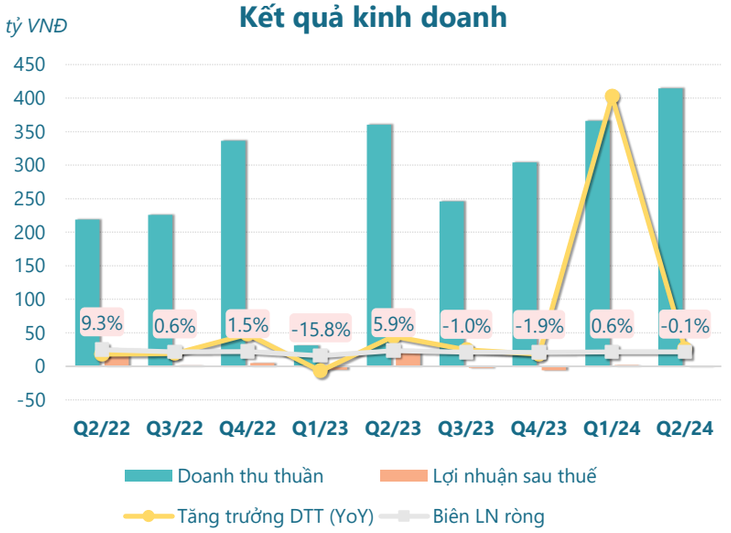
Kết quả kinh doanh Q2/24



CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (HNX: NBP)

FireAnt

Kết quả kinh doanh



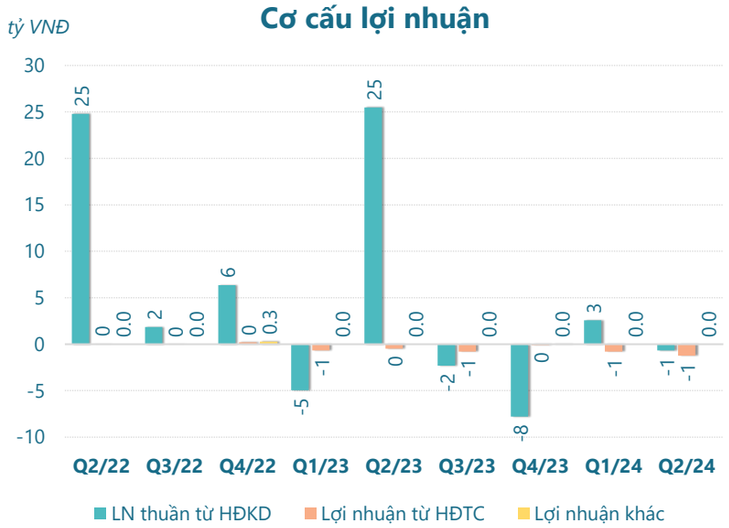
Kết quả kinh doanh của **NBP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **414.5 tỷ đồng** tăng thêm **15.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 0.53 tỷ đồng**, **giảm sút 103%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **780.0 tỷ đồng** cao hơn 99.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** thấp hơn 93.8% so với cùng kỳ năm trước.

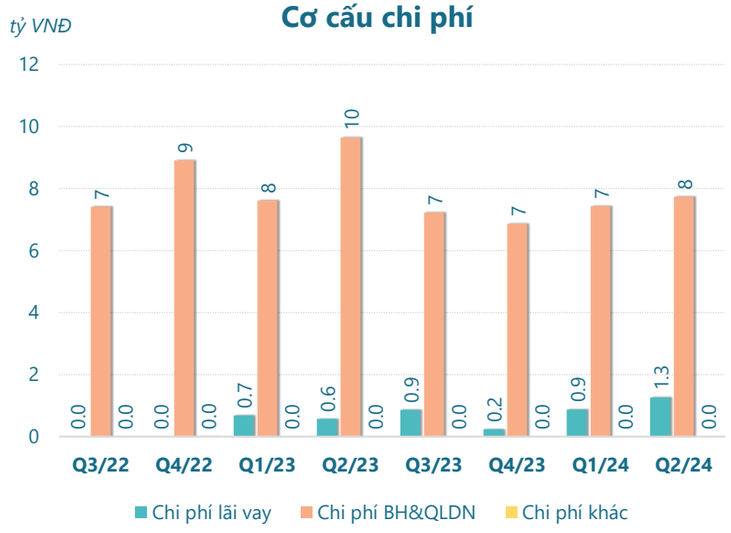
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 126% so với kỳ trước và thấp hơn 103% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.25 tỷ đồng** giảm đi 0.46 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.76 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Cơ cấu chi phí



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.26 tỷ đồng** tăng thêm 43.2% so với kỳ trước và cao hơn 121% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **7.74 tỷ đồng** tăng thêm 4.17% so với kỳ trước và thấp hơn 19.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (HNX: NBP)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**415**	**366**	**13.3%**	**360**	**15.1%**	**780**	**392**	**99.3%**
Giá vốn hàng bán	406	355	14.4%	325	25.0%	761	353	116%
Lợi nhuận gộp	8.33	10.8	-22.9%	35.6	-76.6%	19.1	39.0	-51.0%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.08	-87.3%	0.08	-87.3%	0.09	0.08	8.6%
Chi phí TC	1.26	0.88	42.9%	0.57	121%	2.13	1.25	70.3%
Chi phí lãi vay	1.26	0.88	42.9%	0.57	121%	2.13	1.25	70.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.04	0.04	8.7%	0.02	117%	0.08	0.06	44.9%
Chi phí QLDN	**7.69**	**7.39**	**4.1%**	**9.63**	**-20.1%**	**15.1**	**17.2**	**-12.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.66	2.56	-126%	25.5	-103%	1.90	20.6	-90.7%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	-0.66	2.56	-126%	25.5	-103%	1.90	20.6	-90.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.53**	**2.03**	**-126%**	**21.1**	**-103%**	**1.50**	**16.2**	**-90.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.53**	**2.03**	**-126%**	**21.1**	**-103%**	**1.50**	**16.2**	**-90.7%**

